TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2018
V/v yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Phùng
2. Ông Vi Quốc Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/01/2018.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Vào tháng 12/2016, chị và anh Nguyễn Hồng T đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn bởi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số ***/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2016. Tại quyết định, anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Phần tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi vì lúc đó anh T nói sẽ lo cho con nhiều hơn số tiền cấp dưỡng. Nhưng sau khi ly hôn, anh T không chăm lo cho con như đã hứa nên chị khởi kiện yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh T hiện nay làm nghề cưa thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng. Chị hiện đang làm kế toán tại Công ty may thu nhập mỗi tháng khoảng 3.900.000 đồng. Anh T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị không đồng ý vì từ lúc ly thân đến nay cháu P sống với chị, chị vẫn đảm bảo chăm sóc tốt cho con, còn anh T không quan tâm đến con, anh T chỉ đến thăm con từ khi chị khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng tại Tòa. Mặt khác, anh T hiện nay đã có quen với người phụ nữ khác và chuẩn bị đám cưới nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị xin rút yêu cầu chia chiếc xe hoa lâm biển số **.** - **** để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh T có được trong thời kỳ hôn nhân là 01 chiếc máy cưa và trụ đà gắn liền với máy cưa theo giá Hội đồng định giá là 14.074.600 đồng, chia làm 02 phần, mỗi người nhận 01 phần. Do anh T đang làm nghề cưa nên máy cưa chị để cho anh T tiếp tục sử dụng, chị xin được nhận bằng giá trị là 7.037.300 đồng. Ngoài ra, chị và anh T có chơi hụi của bà Nguyễn Thị T1, địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, chơi 02 dây hụi như sau: Dây 1: hụi 500.000 đồng, khui ngày 17/01/2015 (ÂL), 24 phần, hốt được 9.260.000 đồng, anh T đưa tiền chị đóng được 04 tháng x 400.000 đồng/tháng = 1.600.000 đồng; Dây 2: hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/4/2015 (ÂL), 16 phần, hốt được 11.200.000 đồng, anh T đưa tiền chị đóng được 02 tháng x 800.000 đồng/tháng = 1.600.000 đồng vì đến ngày 15/5/2016 (al) vợ chồng chị ly thân. Phần hụi này là tài sản chung của vợ chồng, chị đồng ý chia nhưng anh T chỉ đưa cho chị 3.200.000 đồng để đóng tiền hụi nên chị chỉ đồng ý chia số tiền 3.200.000 đồng, chị giao cho anh T 1.600.000 đồng. Mặt khác, chị có giữ 03 chỉ vàng 24K 10T là tài sản chung của chị và anh T, nhưng anh T đã kêu chị bán 01 chỉ vàng để cho cháu, số vàng còn lại trong thời gian nuôi con chị đã bán để chữa bệnh cho con, khi bán chị không có hỏi ý kiến của anh T vì lúc đó anh T không có đến thăm con. Nay chị không đồng ý chia số vàng theo yêu cầu của anh T. Chị đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không có ý kiến khác.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 25/10/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử; bị đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Anh thống nhất phần trình bày của chị L về việc anh chị đã được Tòa án nhân dân huyện M công nhận thuận tình ly hôn vào năm 2016. Tại quyết định, anh chị thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009, anh không cấp dưỡng nuôi con, phần tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh xin được thay đổi người trực tiếp nuôi cháu P, anh xin được nuôi cháu P và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh xin được nuôi cháu P là anh thương con, không muốn rời xa con, ngoài ra không còn bất cứ lý do nào khác. Trong thời gian cháu P sống với chị L vẫn được đảm bảo phát triển tốt về thể chất, tinh thần và được học hành đầy đủ, anh có đến trường thăm con trung bình 01 lần/01 tuần và có cho con tiền. Anh

không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L. Hiện nay anh đang làm nghề cưa thu nhập mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, thu nhập hàng của anh tương đối ổn định.

Phần chia tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị L có tài sản chung gồm có: 01 xe hoa lâm, 01 máy cưa, 02 dây hụi, 04 chỉ vàng 24K 10T. Chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia xe hoa lâm, để anh và chị L tự thỏa thuận thì anh đồng ý. Máy cưa do anh và chị L cùng mua nhưng hiện anh không còn nhu cầu sử dụng, chị L đang trực tiếp nuôi con nên anh giao toàn bộ máy cưa cùng trụ đà gắn liền với máy cưa cho chị L. Đối với 02 phần hụi, 01 phần hụi 500.000 đồng và 01 phần hụi 1.000.000 đồng, hụi chơi của chị Nguyễn Thị T như chị L trình bày nhưng anh không nhớ thời gian khui hụi, số phần hụi từng dây hụi vì tất cả giấy tờ hụi do chị L quản lý, anh chỉ nhớ có đưa tiền cho chị L đóng tiền hụi đến lúc vợ chồng sống ly thân là ngày 20/12/2015(al) thì không đưa nữa, số tiền anh đã đưa chị L để đóng tiền hụi là 15.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu chia đôi số tiền này và chị L phải giao cho anh 7.500.000 đồng. Số tiền hụi chị L đã đóng sau khi ly thân bằng số tiền của chị L thì anh không yêu cầu phân chia. Đối với 04 chỉ vàng 24K 10T là tài sản chung do anh và chị L tự sắm, do chị L quản lý. Khi chị L bán vàng không có nói cho anh biết, anh chỉ biết chị L bán để nuôi con khi ra Tòa. Do chị L nói đã bán số vàng này để nuôi con nên nay anh không yêu cầu chia số vàng này. Theo anh biên bản định giá tài sản là cao nhưng anh không yêu cầu định giá lại, anh đồng ý lấy kết quả định giá để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 27/11/2017, cháu Nguyễn Tấn P trình bày như sau:

Cháu đang học lớp 3, trường tiểu học H, huyện M. Hiện cháu đang sống với mẹ tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Từ lúc cha mẹ không còn sống chung với nhau, cha có đến trường học để thăm cháu. Cháu không muốn sống chung với ba, cháu vẫn muốn tiếp tục sống với mẹ, cháu sống với mẹ được chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Bác yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của anh Nguyễn Hồng T; Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi; Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia máy cưa, ghi nhận việc bị đơn tự nguyện giao máy cưa và trụ đà gắn liền với máy cưa cho chị Nguyễn Thị Kim L; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu chia số tiền hụi, anh Nguyễn Hồng T được nhận 1.600.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ giao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Hồng T đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số ***/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện M. Tại quyết định này anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn chị L trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngày 07/9/2017, chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng là 2.000.000 đồng và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Ngày 25/10/2017, anh T có đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn. Căn cứ vào yêu cầu của các đương sự và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau khi ly hôn" được quy định tại Khoản 1, 3, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 01/9/2017 của Công an xã N xác định bị đơn anh Nguyễn Hồng T có nơi cư trú tại ấp G, xã N, huyện M nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 12/01/2018 nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Hồng T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009. Anh T xin được nuôi cháu P và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con. Chị L không đồng ý yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh T. Xét thấy, anh T xác định trong thời gian cháu P sống với chị L vẫn được đảm bảo phát triển tốt về thể chất, tinh thần và được học hành đầy đủ, anh T có đến trường để thăm cháu P. Lý do anh T xin được nuôi cháu P là anh thương con, không muốn rời xa con, ngoài ra không còn bất cứ lý do nào khác. Do anh T đưa ra những lý do làm căn cứ thay đổi người trực tiếp nuôi con không phù hợp với Khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại biên bản lấy ý kiến ngày 27/11/2017, cháu P có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009.

[3] Chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh T không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật thì sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chưa thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con đồng thời là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con đối với con chưa thành niên. Nên để nhằm đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Tấn P cần chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng theo mức sống trung

bình tại địa phương. Hiện nay mức sống trung bình của một đứa trẻ ở độ tuổi của cháu P tại địa phương cần các nhu cầu ăn uống, học tập và các nhu cầu xã hội khác khoảng 2.000.000 đồng. Ngoài ra, theo quy định pháp luật mức cấp dưỡng nuôi con là không được thấp hơn ½ mức lương tối thiểu. Biết rằng mức lương tối thiểu do Chính phủ qui định tại thời điểm xét xử là 1.300.000 đồng. Anh T cho rằng anh có thu nhập mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, chị Loan cho rằng anh Tốt có thu nhập hàng tháng 9.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên việc chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng là tương đối cao, không phù hợp với khả năng thực tế của anh T. Mặt khác, chị L là người trực tiếp nuôi con và hiện tại làm tại Công ty may thu nhập mỗi tháng 3.900.000 đồng, có cuộc sống ổn định cũng đảm bảo một nửa chi phí nuôi cháu P, anh T phải có nghĩa vụ đảm bảo một nửa chi phí còn lại để chị L có đủ điều kiện nuôi cháu P. Vì vậy, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Pmỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp luật định, phù hợp với khả năng của anh T và đảm bảo đủ điều kiện vật chất cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu Phát đồng thời cũng nâng cao quyền và nghĩa vụ đối với con chung của người không trực tiếp nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung:

Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu chia chiếc xe hoa lâm biển số **.** – **** do anh T đang quản lý và anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu chia 04 chỉ vàng 24K 10T.

Chị L yêu cầu chia đôi máy cưa cùng trụ đà gắn liền với máy cưa và chị xin được nhận phần giá trị. Tại biên bản định giá tài sản ngày 09/11/2017 xác định máy cưa và trụ đà có tổng giá trị là 14.074.600 đồng nên chị L xin được nhận 7.037.300 đồng. Tại phiên tòa, anh T cho rằng anh không còn nhu cầu sử dụng máy cưa và chị L đang trực tiếp nuôi con nên anh giao toàn bộ máy cưa cùng trụ đà gắn liền với máy cưa cho chị L. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh T và phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Vì vậy, chị L được nhận 01 máy cưa hiệu Dong Feng (D15) và 03 trụ đà pê-tông cốt thép gắn liền với máy cưa do anh T có nghĩa vụ giao lại.

Anh T yêu cầu chia đôi số tiền hụi 15.000.000 đồng anh đã đưa chị L đóng 02 dây hụi 500.000 đồng và 1.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị T làm chủ hụi. Tuy nhiên, anh T không nhớ thời gian khui hụi, số phần hụi từng dây hụi vì tất cả giấy tờ hụi do chị L quản lý, anh chỉ nhớ có đưa tiền cho chị L đóng tiền hụi từ lúc khui hụi đến lúc anh chị sống ly thân là ngày 20/12/2015(al) thì không đưa nữa. Chị L thừa nhận chị và anh T có chơi hụi của bà T, chơi 02 dây hụi như sau: Dây 1: hụi 500.000 đồng, khui ngày 17/01/2015 (ÂL), 24 phần, hốt được 9.260.000 đồng, anh Tốt đưa tiền chị đóng được 04 tháng x 400.000 đồng/tháng = 1.600.000 đồng; Dây 2: hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/4/2015 (ÂL), 16 phần, hốt được 11.200.000 đồng, anh T đưa tiền chị đóng được 02 tháng x 800.000 đồng/tháng = 1.600.000 đồng vì đến ngày 15/5/2016 (al) anh T và chị ly thân. Tòa án đã ra Thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh đã đưa cho chị L 15.000.000 đồng để đóng tiền 02 dây hụi nhưng anh T không cung cấp được nên không có cơ sở để xác định anh T đã đưa cho chị L 15.000.000 đồng như anh T trình bày. Vì vậy, xác định anh T có đưa cho chị L 3.200.000 đồng để đóng

tiền hụi. Theo nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi và chị L cũng đồng ý chia đôi số tiền 3.200.000 đồng nên chị L, anh T mỗi người được nhận 1.600.000 đồng. Do chị L đang quản lý số tiền này nên chị L có nghĩa vụ giao cho anh T số tiền 1.600.000 đồng.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí 300.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Án phí dân sự:

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị L, anh T phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được nhận là:

Anh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 300.000 đồng.

Chị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% trên tổng giá trị tài sản chị được nhận: (14.074.600 đồng + 1.600.000 đồng) x 5% = 784.000 đồng.

[6] Chi phí định giá: Chị L, anh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng nhưng do chị L đã tạm nộp xong nên buộc anh T phải có nghĩa vụ giao lại cho chị L số tiền 150.000 đồng.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu anh Nguyễn Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 04/11/2009 do chị Nguyễn Thị Kim L đang trực tiếp nuôi mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp 01 lần.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị L, anh T Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Chị Nguyễn Thị Kim L được nhận 01 máy cưa và trụ đà gắn liền với máy cưa do anh Nguyễn Hồng T đang quản lý nên buộc anh Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Kim L 01 máy cưa hiệu DongFeeng (D15) và

03 trụ đà Pê tông cốt thép gắn liền với máy cưa (trụ 1: dài 10,4m, rộng 0,15m, cao 0,2m; trụ 2: dài 11,7m, rộng 0,15m, cao 0,2m; trụ 3: dài 16m, rộng 0,15m, cao 0,2m).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Hồng T về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Chị Nguyễn Thị Kim L được nhận 1.600.000 đồng.

Anh Nguyễn Hồng T được nhận 1.600.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ giao.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu án phí 300.000 đồng do yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh Tốt đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng .

Án phí dân sự:

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 363.000 (ba trăm sáu mươi ba ngàn) đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên anh Nguyễn Hồng T được nhận lại số tiền 63.000 (sáu mươi ba ngàn) đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí 784.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 665.000 (sáu trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp thêm 119.000 đồng.

Chi phí định giá: Chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Hồng T mỗi người phải chịu 150.000 đồng nhưng do chị Nguyễn Thị Kim L đã tạm nộp xong nên buộc anh Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 150.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang